TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **32**/2023/QĐST-DS	*Ninh Hòa, ngày 20 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 264/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị A, sinh năm: 1959; Trú tại: Thôn S, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

* *Bị đơn:* Ông Trần Minh B, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn Bắc, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn Q1, sinh năm 1952

2. Bà Phạm Thị Q2, sinh năm 1986

Đồng trú tại: Thôn S, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà.

Đại diện hợp pháp của ông Nhất và bà Thuý: Bà Hà Thị A, sinh năm 1959; Trú tại: Thôn S, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà *(Là đại diện theo uỷ quyền, giấy uỷ quyền ngày 23/3/2023 do UBND xã T chứng thực).*

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Bà Hà Thị A và ông Trần Minh B thống nhất huỷ giấy nhận tiền cọc tách thửa ngày 07/7/2022 của ông Trần Minh B và bà Hà Thị A.

2.2 Về số tiền đặt cọc: Ông B phải trả cho bà A số tiền 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)* cụ thể như sau:

- Ngày 30/6/2023: Ông B trả 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng).*

- Ngày 30/7//2023: Ông B trả 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng).*

- Ngày 30/8/2023: Ông B trả 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* là hết số tiền 15.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị A thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Ông Trần Minh B phải nộp 187.500đ *(Một trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh Huyền